



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN TIÊN BÒ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 166 /2017/CV-TTB  
(CBTT v/v: Báo cáo tài chính  
giữa niên độ)

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 08 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;  
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;  
Quý Cổ đông Công ty CP Tập đoàn Tiên Bò - TTB.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIÊN BÒ

Trụ sở chính: Ngõ 01, đường Bắc Kạn, tổ 02, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 0208 3 756 699 Email: [Chungcutienbo@gmail.com](mailto:Chungcutienbo@gmail.com)

Người thực hiện công bố thông tin: Thân Thanh Dũng

Địa chỉ: Tổ 02, phường Hoàng Văn Thụ, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: Di động 0912 654 222 – Cơ quan: 0280 3 756 699

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
(Công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

***Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ:***

**<http://tienbo.vn/thong-tin-co-dong.html>**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Công ty trân trọng thông báo./.

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TIÊN BÒ**  
**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Website;
- Lưu TC-ĐT.



**Thân Thanh Dũng**



**GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐƯỢC SOÁT XÉT (CHO KỶ KẾ TOÁN 01/01/2017-30/6/2017)**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Công ty cổ phần tập đoàn Tiên Bộ (mã chứng khoán TTB) trân trọng gửi tới Quý Ủy ban và Quý sở quan lời chào trân trọng nhất.

- Căn cứ vào thông tư số 115/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng từ ngày 01/01/2016
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần tập đoàn Tiên Bộ được soát xét bởi công ty TNHH kiểm toán TTP ký phát hành ngày 12 tháng 08 năm 2017.

Công ty chúng tôi xin có một số nội dung giải trình về biến động kết quả kinh doanh giữa niên độ năm 2017 so với kết quả kinh doanh giữa niên độ năm 2016 như sau :

**I/ Giải trình về biến động kết quả kinh doanh giữa niên độ năm 2017:**

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm (đồng)		Chênh lệch	
	2017	2016	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	192,982,907,785	171,196,884,482	21,786,023,303	112.73
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2,491,818,182	596,363,637	1,895,454,545	417.84
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>190,491,089,603</b>	<b>170,600,520,845</b>	<b>19,890,568,758</b>	<b>111.66</b>
4. Giá vốn hàng bán	165,044,749,943	139,791,576,343	25,253,173,600	118.06
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>25,446,339,660</b>	<b>30,808,944,502</b>	<b>(5,362,604,842)</b>	<b>82.59</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	490,088,959	111,755,070	378,333,889	438.54
7. Chi phí tài chính	4,006,439,771	2,669,493,545	1,336,946,226	150.08
- Trong đó: Chi phí lãi vay	4,006,439,771	2,669,493,545	1,336,946,226	150.08
8. Chi phí bán hàng	729,718,595	626,416,799	103,301,796	116.49
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,022,038,886	3,425,132,375	(403,093,489)	88.23
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>18,178,231,367</b>	<b>24,199,656,853</b>	<b>(6,021,425,486)</b>	<b>75.12</b>
11. Thu nhập khác	-	20,000,000	(20,000,000)	
12. Chi phí khác	471,646	2,173,594	(1,701,948)	21.7





13. Lợi nhuận khác	(471,646)	17,826,406	(18,298,052)	(2.65)
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>18,177,759,721</b>	<b>24,217,483,259</b>	<b>6,039,723,538)</b>	<b>75.06</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3,635,646,273	4,843,927,704	(1,208,281,431)	75.06
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>14,542,113,448</b>	<b>19,373,555,555</b>	<b>(4,831,442,107)</b>	<b>75.06</b>

Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2017 đạt 75.06% so với 06 tháng đầu năm 2016, giảm 24.94% tương đương giảm 4.831.442.107 đồng.

Nguyên nhân giảm :

1. Tổng doanh thu bán hàng toàn ngành tuy có tăng hơn là 12.73% nhưng chủ yếu là doanh thu bán thương mại. Cụ thể:

- Doanh thu bán thương mại tăng 40.63%
- Doanh thu bán thành phẩm giảm 23.76%

Tỷ lệ lợi nhuận gộp bán thương mại thấp hơn tỷ lệ lợi nhuận bán thành phẩm (đặc biệt là chỉ tiêu bán căn hộ nhà chung cư). Tại thời điểm này, công ty đang đầu tư tiếp các dự án, chưa thực hiện bàn giao trong 06 tháng đầu năm 2017 nên chưa ghi nhận doanh thu lớn về chỉ tiêu này, do đó đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong 06 tháng đầu năm 2017.

2. Tổng chi phí (giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý)/doanh thu 06 tháng đầu năm 2016 là: 85.88%, 06 tháng đầu năm 2017 là: 90.71%, tăng: 4.83%.

Từ những chỉ tiêu trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế toàn ngành của Công ty giảm so với cùng kỳ năm trước là 24.94%.

**II/ Giải trình chênh lệch số liệu giữa báo cáo kết quả kinh doanh đã được kiểm toán và báo cáo kết quả kinh doanh tự lập 06 tháng đầu năm 2017:**

Chỉ tiêu chênh lệch	Số liệu sau kiểm toán	Số liệu trước kiểm toán	Chênh lệch
4. Giá vốn hàng bán	165,044,749,943	165,044,749,944	(1)
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>25,446,339,660</b>	<b>25,446,339,659</b>	<b>(1)</b>
7. Chi phí tài chính	4,006,439,771	4,041,539,771	(35,100,000)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	4,006,439,771	4,041,539,771	(35,100,000)
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>18,178,231,367</b>	<b>18,143,131,366</b>	<b>35,100,001</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>18,177,759,721</b>	<b>18,142,659,720</b>	<b>35,100,001</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	3,635,646,273	3,628,626,273	7,020,000
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>14,542,113,448</b>	<b>14,514,033,447</b>	<b>28,080,001</b>



- Do sai sót trong hạch toán dẫn đến số liệu chi phí lãi vay sau kiểm toán giảm 35.100.000đ so với số liệu trước kiểm toán

- Từ chênh lệch giảm chi phí tài chính dẫn đến Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng và chi phí thuế TNDN tăng.

Trên đây là nội dung giải trình về biến động kết quả kinh doanh giữa niên độ năm 2017 của Công ty. Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết.

*Trân trọng cảm ơn ./.*

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Ban giám đốc;
- Phòng TC - ĐT;
- Lưu Văn thư;

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHÙNG VĂN THÁI**







## **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

**TTP AUDITTING LIMITED COMPANY**

**Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây, Tòa nhà Hancorp Plaza, Số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội**

**Điện thoại: (04) 37 425 888 - Fax : (04) 37 578 666**

**Website: <http://kiemtoanttp.com> - <http://kiemtoanttp.vn>**

**Email: [ttp@kiemtoanttp.com](mailto:ttp@kiemtoanttp.com)**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(đã được soát xét)





**NỘI DUNG**

	<u>Trang</u>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 – 5
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	6 – 7
<b>Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được soát xét:</b>	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	8 – 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	13
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	14 – 42
Phụ lục 1: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	43

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Tiên Bộ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tiên Bộ được thành lập theo quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên, Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4600359768 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 01 tháng 12 năm 2016.

### Ngành nghề kinh doanh của công ty gồm

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (xây dựng công trình đường bộ);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV, công trình thủy lợi);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn đồ uống (bán rượu, bia, nước giải khát, nước tinh khiết);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (khách sạn, nhà nghỉ);
- Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp (dạy nghề tiện, phay, gò, hàn, phay nguội, điện, lữ hành du lịch, lái xe, võ thuật);
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn kim loại quặng và kim loại (sắt, thép, kẽm, đồng, chì);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (sắt, thép);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư kinh doanh chung cư, khu đô thị, siêu thị, văn phòng, bất động sản, nhà sinh viên, khách sạn du lịch, khu vui chơi);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (cho thuê sân bóng đá, sân tennis, sân cầu lông);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi nuôi ngựa, lừa, la;
- Chăn nuôi dê, cừu;
- Chăn nuôi lợn;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (hoa và cây);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (dụng cụ thể dục; thể thao, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dụng nội thất tương tự, dụng cụ y tế);



- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện, máy móc thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán mô tô, xe máy;
- Sản xuất cấu kiện kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (sản xuất giàn giáo, cốp pha, cửa hoa, cửa xếp, hàng rào thép, đồ thép mỹ nghệ);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (định giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất);
- Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao (sản xuất cầu lông, vợt, lưới);
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (đồng, niken, titan);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Ngõ 1, Đường Bắc Kạn, Tổ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 387.000.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi bảy tỷ đồng Việt Nam).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 38.700.000 cổ phần.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông: Phùng Văn Bộ	Chủ tịch
Ông: Phùng Văn Thái	Ủy viên
Ông: Thân Thanh Dũng	Ủy viên
Ông: Tô Hữu Khánh	Ủy viên
Ông: Đặng Văn Huân	Ủy viên

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông: Phùng Văn Thái	Tổng Giám đốc
Ông: Tô Hữu Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà: Phùng Thị Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Trần Thanh Hà	Kế toán trưởng

**Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:**

Bà: Dương Thị Vân	Trưởng ban
Ông: Hoàng Giang	Ủy viên
Ông: Nguyễn Giang Nam	Ủy viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ**  
**Tổ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 08 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc *Sal*  
Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN  
TIỀN BỘ**  
*Phùng Văn Thái*

Phùng Văn Thái



Số ~~38~~/BCKT-TC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Tập đoàn Tiên Bộ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Tập đoàn Tiên Bộ tại ngày 30/06/2017, được lập ngày 12 tháng 08 năm 2017, từ trang 08 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Tiên Bộ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2017*

**Công ty TNHH Kiểm toán TTP**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Lê Phương Anh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0739-2017-133-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>306.737.693.279</b>	<b>343.239.396.316</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>8.355.467.225</b>	<b>31.740.300.186</b>
1. Tiền	111		8.355.467.225	31.740.300.186
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02a</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>197.483.090.976</b>	<b>215.418.931.047</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.03</b>	103.702.490.164	44.787.432.767
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.04</b>	33.732.600.812	84.636.664.275
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	<b>V.05</b>	4.100.000.000	5.700.000.000
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.06</b>	55.948.000.000	80.294.834.005
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	<b>V.07</b>	-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.08</b>	<b>90.077.982.881</b>	<b>84.642.715.329</b>
1. Hàng tồn kho	141		90.077.982.881	84.642.715.329
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>821.152.197</b>	<b>1.437.449.754</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.10</b>	474.476.441	531.395.273
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		346.675.756	906.054.481
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>303.175.509.444</b>	<b>205.078.575.318</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017  
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.043.010.333</b>	<b>8.517.676.834</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	8.043.010.333	8.517.676.834
- Nguyên giá	222		10.691.810.569	10.691.810.569
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(2.648.800.236)	(2.174.133.735)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.09</b>	<b>172.730.167.928</b>	<b>149.269.735.889</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		132.304.135.801	111.744.244.749
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.426.032.127	37.525.491.140
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02b</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		120.000.000.000	45.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.402.331.183</b>	<b>2.291.162.595</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.402.331.183	2.291.162.595
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>609.913.202.723</b>	<b>548.317.971.634</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017  
( Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>154.197.634.888</b>	<b>107.144.517.247</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>123.735.279.332</b>	<b>76.682.161.691</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	57.278.873.914	12.929.450.681
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		552.148.397	578.691.555
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.500.054.977	2.405.687.128
4. Phải trả người lao động	314		183.528.144	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	5.462.727.271
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	632.059.390	626.455.844
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	59.252.286.000	53.753.420.702
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		336.328.510	925.728.510
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>30.462.355.556</b>	<b>30.462.355.556</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chứ phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	30.462.355.556	30.462.355.556
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>455.715.567.835</b>	<b>441.173.454.387</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>455.715.567.835</b>	<b>441.173.454.387</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		387.000.000.000	387.000.000.000
- Cổ phần phổ thông	411A		387.000.000.000	387.000.000.000
- Cổ phần có quyền ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.999.794.545	3.999.794.545
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		757.872.548	757.872.548
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.808.348.854	1.808.348.854
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.149.551.888	47.607.438.440
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		47.607.438.440	17.539.659.316
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.542.113.448	30.067.779.124
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>609.913.202.723</b>	<b>548.317.971.634</b>

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà Hương

Kế toán trưởng



Trần Thanh Hà



Tổng Giám đốc

Phùng Văn Thái

BÁO CÁO  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	192.982.907.785	171.196.884.482
2. Các khoản giảm trừ	02		2.491.818.182	596.363.637
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		190.491.089.603	170.600.520.845
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	165.044.749.943	139.791.576.343
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		25.446.339.660	30.808.944.502
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	490.088.959	111.755.070
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.006.439.771	2.669.493.545
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.006.439.771	2.669.493.545
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	729.718.595	626.416.799
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	3.022.038.886	3.425.132.375
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		18.178.231.367	24.199.656.853
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	20.000.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	471.646	2.173.594
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(471.646)	17.826.406
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.177.759.721	24.217.483.259
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	3.635.646.273	4.843.927.704
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		14.542.113.448	19.373.555.555
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	873,31	1.072,43

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hà Hương

Kế toán trưởng

Trần Thanh Hà

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Thái



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Theo phương pháp gián tiếp  
6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế			18.177.759.721	24.217.483.259
2. Điều chỉnh cho các khoản	01		3.991.017.313	2.929.299.748
+ Khấu hao tài sản cố định	02		474.666.501	371.561.273
+ Các khoản dự phòng	03			
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(490.088.959)	(111.755.070)
+ Chi phí lãi vay	06		4.006.439.771	2.669.493.545
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.168.777.034	27.146.783.007
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		16.895.218.796	(74.761.401.396)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(25.995.158.604)	(12.703.595.722)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		39.049.284.494	(34.408.338.957)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(54.249.756)	(1.278.353.019)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.006.439.771)	(2.691.374.518)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(541.278.424)	(1.258.647.455)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(589.400.000)	(29.184.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		46.926.753.769	(129.139.128.060)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.900.540.987)	(6.033.918.228)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24		1.600.000.000	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(75.000.000.000)	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		490.088.959	111.755.070
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(75.810.452.028)	(5.922.163.158)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	84.869.076.364
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		69.089.475.000	25.713.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(63.590.609.702)	(21.044.400.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40		5.498.865.298	89.537.676.364
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(23.384.832.961)	(45.523.614.854)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31.740.300.186	48.530.003.401
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		8.355.467.225	3.006.388.547

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà Hương

Kế toán trưởng



Trần Thanh Hà

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 08 năm 2017



Phùng Văn Thái

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tiên Bộ được thành lập theo quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên, Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4600359768 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 vào ngày 01 tháng 12 năm 2016.

#### **Ngành nghề kinh doanh của công ty gồm**

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (xây dựng công trình đường bộ);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV, công trình thủy lợi);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn đồ uống (bạn rượu, bia, nước giải khát, nước tinh khiết);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (khách sạn, nhà nghỉ);
- Đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp (dạy nghề tiện, phay, gò, hàn, phay nguội, điện, lữ hành du lịch, lái xe, võ thuật);
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn kim loại quặng và kim loại (sắt, thép, kẽm, đồng, chì);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (sắt, thép);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư kinh doanh chung cư, khu đô thị, siêu thị, văn phòng, bất động sản, nhà sinh viên, khách sạn du lịch, khu vui chơi);
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (cho thuê sân bóng đá, sân tennis, sân cầu lông);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi nuôi ngựa, lừa, la;
- Chăn nuôi dê, cừu;
- Chăn nuôi lợn;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (hoa và cây);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (dụng cụ thể dục; thể thao, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dụng nội thất tương tự, dụng cụ y tế);



- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện, máy móc thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán mô tô, xe máy;
- Sản xuất cấu kiện kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (sản xuất giàn giáo, cốp pha, cửa hoa, cửa xếp, hàng rào thép, đồ thép mỹ nghệ);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (định giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất);
- Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao (sản xuất cầu lông, vợt, lưới);
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (đồng, niken, titan);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

**Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại:** Ngõ 1, Đường Bắc Kạn, Tổ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 387.000.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi bảy tỷ đồng Việt Nam).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 38.700.000 cổ phần.

## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

##### *Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:*

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.



*Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:*

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

### **5. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



**7. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư**

Thực hiện Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 08 năm
- Phương tiện, vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

Quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao.

**8. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

**9. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 0%.

### 12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### 13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ, khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.



#### 14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

#### 15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi

được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **16. Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu, thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp



sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### **18. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

#### **19. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

101  
G  
M  
Đ  
11

## **21. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## 1. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Tiền mặt	7.592.401.080	5.508.470.665
- Tiền gửi tại ngân hàng	763.066.145	26.231.829.521
+ Tiền gửi VND	763.066.145	26.231.829.521
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển - CN Thái Nguyên	745.740.458	25.025.854.060
Ngân hàng TMCP quốc dân - CN Thái Nguyên	5.711.117	513.839.358
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	3.060.114	683.136.741
Ngân hàng khác	8.554.456	8.999.362
<b>Cộng</b>	<b>8.355.467.225</b>	<b>31.740.300.186</b>

## 2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

## 2a: Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

## Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn

	Kỳ hạn Tháng	Lãi suất %/năm	Số dư cuối kỳ VND
Ngân hàng TMCP ĐT&PT Thái Nguyên	12	6,5%	10.000.000.000
<b>Cộng</b>			<b>10.000.000.000</b>

Khoản tiền gửi này đang dùng để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Thái Nguyên, giá trị thế chấp tại 30/06/2017 là: 10.000.000.000 VND

## 2b: Đầu tư dài hạn - Phụ lục 01: Các khoản đầu tư tài chính

## 3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>103.702.490.164</b>	-	<b>44.787.432.767</b>	-
- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng quốc tế Việt Pháp	330.278.773	-	3.918.278.773	-
- Cty CP đầu tư Phía Bắc	11.064.969.503	-	-	-
- Doanh Nghiệp Tư Nhân TM Nhật Minh	706.199.230	-	706.199.230	-
- DNTN Dương Phương Linh	19.649.299.219	-	1.382.733.445	-
- DNTN Sản xuất và thương mại Biên Cương	14.490.442.033	-	4.715.804.832	-
- Công ty CP đầu tư địa ốc Đất Vượng	36.303.712.376	-	31.038.895.899	-
- Công ty Cổ phần và phát triển Ngôi sao sớm	1.568.906.875	-	2.088.749.375	-
- Khách hàng khác	19.588.682.155	-	936.771.213	-
<b>Cộng</b>	<b>103.702.490.164</b>		<b>44.787.432.767</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ**

Địa chỉ: Tổ 2 - Phường Hoàng Văn Thụ - TP Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**Trong đó phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
- Công ty CP đầu tư địa ốc Đất Vượng	Giám đốc - Người đại diện pháp luật có quan hệ gia đình TGD Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Bộ (TTB)	36.303.712.376	31.038.895.899
- DNTN Dương Phương Linh	Đơn vị cùng hợp tác kinh doanh với TTB	19.649.299.219	1.382.733.445
- DNTN Sản xuất và thương mại Biên Cương	Đơn vị cùng hợp tác kinh doanh với TTB	14.490.442.033	4.715.804.832
<b>Cộng</b>		<b>70.443.453.628</b>	<b>37.137.434.176</b>

**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

a. Ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty TNHH thép Nhân Duyên	33.732.600.812	-	84.636.664.275	-
- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng quốc tế Việt Pháp	27.097.829	-	340.362.220	-
- Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Khang Linh		-	1.982.650.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Phong Phương Thái Nguyên		-	1.363.171.034	-
- Doanh nghiệp tư nhân sản xuất và thương mại Tú Hân		-	4.582.033.832	-
- Công ty Cổ phần thương mại tổng hợp Thái Nguyên		-	5.618.524.279	-
- Công ty CP đầu tư địa ốc Đất Vượng	27.002.715.773	-	4.185.359.523	-
- Công ty CP Thang máy và thiết bị Thành Công		-	53.382.112.876	-
- Công ty cổ phần thiết bị xây dựng 5S	1.089.714.867	-	1.566.400.000	-
- Doanh nghiệp tư nhân Việt Hùng Thái Nguyên	67.447.310	-	4.844.031.880	-
- Doanh nghiệp tư nhân Đức Huân Thái Nguyên		-	1.696.405.153	-
- Trả trước khác	5.545.625.033	-	1.215.654.629	-
<b>Cộng</b>	<b>33.732.600.812</b>	<b>-</b>	<b>84.636.664.275</b>	<b>-</b>

**Trong đó trả trước nhà cung cấp là các bên liên quan**

Tên công ty	Mối quan hệ	Nội dung	Số cuối kỳ VND
- Công ty CP đầu tư địa ốc Đất Vượng	Giám đốc - Người đại diện pháp luật có quan hệ gia đình Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiên Bộ (TTB)	ứng trước tiền thi công xây dựng công trình chung cư A4 theo HĐ số 06/2016/HĐ-XD ký ngày 15/08/2016	27.002.715.773
<b>Cộng</b>			<b>27.002.715.773</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính



## 5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đối tượng	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dương Thanh Xuân		-	800.000.000	-
Dương Văn Linh		-	800.000.000	-
Ngô Tô Hiệu	800.000.000	-	800.000.000	-
Nông Thị Lệ	700.000.000	-	700.000.000	-
Nguyễn Thị Quỳnh Nga	900.000.000	-	900.000.000	-
Phán Trí Kiên	800.000.000	-	800.000.000	-
Trần Ngọc Sinh	900.000.000	-	900.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.100.000.000</b>		<b>5.700.000.000</b>	

Đây là khoản cán bộ công nhân viên vay theo quy chế của Hội đồng quản trị với lãi suất bằng lãi suất tiền vay do Ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản công bố.

## 6. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>55.948.000.000</b>	-	<b>80.294.834.005</b>	-
- Phải thu bảo hiểm	-	-	1.773.664	-
- Ký cược, ký quỹ (*)	21.500.000.000	-	28.500.000.000	-
- Dư nợ phải trả khác	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
+ Đặng Văn Huân	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
+ Nguyễn Thanh Hưng	8.500.000.000	-	8.500.000.000	-
- Tạm ứng	-	-	16.800.000.000	-
- Phải thu khác	19.448.000.000	-	19.993.060.341	-
+ Công ty TNHH sản xuất và thương mại Tiến Dũng (1)	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
+ Doanh nghiệp tư nhân sản xuất và thương mại Biên Cương (2)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
+ Doanh nghiệp tư nhân Dương Phương Linh (3)	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
+ Phải thu lãi tiền gửi	325.000.000	-	-	-
+ Phải thu khác	123.000.000	-	993.060.341	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>55.948.000.000</b>		<b>80.294.834.005</b>	

(\*) Tiền đặt cọc mua hàng cho các hợp đồng mua hàng trong năm

(1) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2016 HD/HTKD-TTB ngày 01/06/2016 với Công ty TNHH SX và thương mại Tiến Dũng số tiền là 5.000.000.000 VND; Mục tiêu hợp tác kinh doanh giàn giáo, cốt pha, sắt thép cùng Công ty TNHH SX và thương mại Tiến Dũng. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh sẽ được chia theo tỷ lệ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tiến Bộ hưởng 40%, Công ty TNHH SX và thương mại Tiến Dũng hưởng 60% trên tổng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước. Theo biên bản làm việc ngày 03/01/2017, Công ty Cổ phần Tập đoàn Tiến Bộ và Công ty TNHH SX và thương mại Tiến Dũng thống nhất không phân chia lợi nhuận năm 2016 và để lại tái đầu tư.

(2) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2016 HD/HTKD-TTB ngày 01/06/2016 với Doanh nghiệp tư nhân sản xuất và thương mại Biên Cương số tiền là 6.000.000.000 VND; Mục tiêu hợp tác kinh doanh giàn giáo, cốp pha, sắt thép cùng Doanh nghiệp tư nhân sản xuất và thương mại Biên Cương. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh sẽ được chia theo tỷ lệ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tiên bộ hưởng 40%, Doanh nghiệp tư nhân sản xuất và thương mại Biên Cương hưởng 60% trên tổng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước. Theo biên bản làm việc ngày 02/01/2017, Công ty Cổ Phần Tập đoàn Tiên Bộ và Doanh nghiệp tư nhân sản xuất và thương mại Biên Cương thống nhất không phân chia lợi nhuận năm 2016 và để lại tái đầu tư.

(3) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2016 HD/HTKD-TTB ngày 01/06/2016 với Doanh nghiệp tư nhân Dương Phương Linh số tiền là 8.000.000.000 VND; Mục tiêu hợp tác kinh doanh giàn giáo, cốp pha, sắt thép cùng Doanh nghiệp tư nhân Dương Phương Linh. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh sẽ được chia theo tỷ lệ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tiên bộ hưởng 40%, Doanh nghiệp tư nhân Dương Phương Linh hưởng 60% trên tổng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước. Theo biên bản làm việc ngày 02/01/2017, Công ty Cổ Phần Tập đoàn Tiên Bộ và Doanh nghiệp tư nhân Dương Phương Linh thống nhất không phân chia lợi nhuận năm 2016 và để lại tái đầu tư.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	9.747.466.293	-	8.754.787.676	-
- Công cụ dụng cụ	3.517.693.875	-	4.350.590.624	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	114.451.540	-	164.788.033	-
- Thành phẩm	5.943.867.827	-	7.502.245.227	-
- Hàng hóa	70.754.503.346	-	63.870.303.769	-
<b>Cộng</b>	<b>90.077.982.881</b>	<b>-</b>	<b>84.642.715.329</b>	<b>-</b>

\* Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND

\* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND

**9. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**

**a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Chung cư Tiên Bộ	129.961.444.892	129.961.444.892	110.019.053.840	110.019.053.840
- Nhà ở xã hội Phố Yên	2.342.690.909	2.342.690.909	1.725.190.909	1.725.190.909
<b>Cộng</b>	<b>132.304.135.801</b>	<b>132.304.135.801</b>	<b>111.744.244.749</b>	<b>111.744.244.749</b>

**b. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Nhà máy cầu lông	30.924.330.014	28.023.789.027
- Đường, bờ rào, quyền sử dụng đất	9.501.702.113	9.501.702.113
<b>Cộng</b>	<b>40.426.032.127</b>	<b>37.525.491.140</b>

Giá trị tài sản dùng để thế chấp các khoản vay tại thời điểm 30/06/2017 là: 24.740.000.000 VND



## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>474.476.441</b>	<b>531.395.273</b>
- Công cụ dụng cụ phân bổ ngắn hạn	474.476.441	531.395.273
<b>b. Dài hạn</b>	<b>2.402.331.183</b>	<b>2.291.162.595</b>
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ dài hạn	2.402.331.183	2.291.162.595
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.876.807.624</b>	<b>2.822.557.868</b>

## 11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	4.684.295.381	1.214.800.000	4.792.715.188		10.691.810.569
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ					
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.684.295.381	1.214.800.000	4.792.715.188		10.691.810.569
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	1.103.433.197	381.359.506	689.341.032		2.174.133.735
Số tăng trong kỳ	109.574.415	95.646.667	269.445.420	-	474.666.501
- Khấu hao trong kỳ	109.574.415	95.646.667	269.445.420		474.666.501
- Tăng khác					
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.213.007.612	477.006.173	958.786.452		2.648.800.236
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	3.580.862.184	833.440.494	4.103.374.156	-	8.517.676.834
Tại ngày cuối kỳ	3.471.287.769	737.793.827	3.833.928.736	-	8.043.010.333

- Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho khoản vay:  
849.348.893 VND

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2017: 218.200.188 VND

## 12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>57.278.873.914</b>	<b>57.278.873.914</b>	<b>12.929.450.681</b>	<b>12.929.450.681</b>
- Công ty trách nhiệm hữu hạn H&P	871.691.364	871.691.364	1.066.515.000	1.066.515.000
- Công ty cổ phần TM&PT nền móng Hồ Bắc	2.236.423.277	2.236.423.277	3.045.188.777	3.045.188.777
- Hợp tác xã vận tải ô tô Tân Phú	124.520.826	124.520.826	324.520.826	324.520.826
- Công ty TNHH Thương Mại Trường Khai	777.276.000	777.276.000	779.040.000	779.040.000

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP Thương mại & Khoáng sản Dương Hiếu	6.223.704.608	6.223.704.608		-
- Công ty TNHH xây dựng Hạ Tầng Thái Nguyên	11.065.562.799	11.065.562.799		-
- Doanh nghiệp tư nhân Tân Phát Vượng	883.197.305	883.197.305	1.501.888.683	1.501.888.683
- Phải trả nhà cung cấp khác	35.096.497.735	35.096.497.735	6.212.297.395	6.212.297.395
<b>Cộng</b>	<b>57.278.873.914</b>	<b>57.278.873.914</b>	<b>12.929.450.681</b>	<b>12.929.450.681</b>

## 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Điều chỉnh trong kỳ	Số dư cuối kỳ
	(a)	(b)	(c)	(d)	(e)=(a)+(b)-(c)+(d)
Thuế GTGT phải nộp	-				-
Thuế TNDN	2.405.687.128	3.635.646.273	541.278.424		5.500.054.977
Thuế thu nhập cá nhân	-	38.231.587	38.231.587		-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.201.670	2.201.670		-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	5.000.000		-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-				-
<b>Cộng</b>	<b>2.405.687.128</b>	<b>3.681.079.530</b>	<b>586.711.681</b>		<b>5.500.054.977</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>632.059.390</b>	<b>626.455.844</b>
- Kinh phí công đoàn	132.059.390	118.778.520
- Phải trả, phải nộp khác	500.000.000	507.677.324
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>632.059.390</b>	<b>626.455.844</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ**

Địa chỉ: Tô 2 - Phường Hoàng Văn Thụ - TP Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**15. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>59.252.286.000</b>	<b>59.252.286.000</b>	<b>69.089.475.000</b>	<b>63.590.609.702</b>	<b>53.753.420.702</b>	<b>53.753.420.702</b>
- Vay ngắn hạn	56.589.086.000	56.589.086.000	69.089.475.000	62.673.409.702	50.173.020.702	50.173.020.702
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN	54.019.086.000	54.019.086.000	66.519.475.000	61.403.475.000	48.903.086.000	48.903.086.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Thái Nguyên	2.570.000.000	2.570.000.000	2.570.000.000	1.269.934.702	1.269.934.702	1.269.934.702
- Nợ dài hạn đến hạn trả	2.663.200.000	2.663.200.000	-	917.200.000	3.580.400.000	3.580.400.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN thời hạn 36 tháng	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000	240.000.000	240.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN thời hạn 72 tháng	2.473.000.000	2.473.000.000	727.000.000	727.000.000	3.200.000.000	3.200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Thái Nguyên	70.200.000	70.200.000	70.200.000	70.200.000	140.400.000	140.400.000
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>30.462.355.556</b>	<b>30.462.355.556</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.462.355.556</b>	<b>30.462.355.556</b>
- Vay ngân hàng	30.462.355.556	30.462.355.556	-	-	30.462.355.556	30.462.355.556
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN thời hạn 36 tháng	157.000.000	157.000.000	157.000.000	157.000.000	157.000.000	157.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN thời hạn 72 tháng	29.745.755.556	29.745.755.556	29.745.755.556	29.745.755.556	29.745.755.556	29.745.755.556
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Thái Nguyên	559.600.000	559.600.000	559.600.000	559.600.000	559.600.000	559.600.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>89.714.641.556</b>	<b>89.714.641.556</b>	<b>69.089.475.000</b>	<b>63.590.609.702</b>	<b>84.215.776.258</b>	<b>84.215.776.258</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



**Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn****Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/2301274/HĐTD ngày 14/06/2016 Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Thái Nguyên**

Hạn mức cho vay: 60.000.000.000 VND;

Thời hạn cấp hạn mức: Kể từ ngày 14/06/2016 - 30/06/2017;

Thời hạn cho vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;

Lãi suất cho vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể; lãi suất cho vay tại thời điểm vay là 8,7%;

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;

Phương thức bảo đảm tiền vay: Những tài sản được hình thành từ vốn vay;

Dư gốc vay tại 30/06/2017 là: 54.019.086.000 VND;

**Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 273.CV/16/HĐHMTN ngày 21/11/2016 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Thái Nguyên**

Hạn mức cho vay: 10.000.000.000 VND;

Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;

Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ và tối đa là 6 tháng

Lãi suất cho vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể; lãi suất cho vay tại thời điểm vay là 8%;

Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Phương thức bảo đảm tiền vay: Quyền sử dụng đất của Ông Nguyễn Thanh Hưng

Dư gốc vay tại 30/06/2017 là: 2.570.000.000 VND;

**Chi tiết hợp đồng vay dài hạn****Hợp đồng tín dụng số 04/2015/2301274/HĐTD ngày 20/11/2015 Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Thái Nguyên**

Số tiền cho vay: 687.000.000 VND.

Thời hạn cho vay: 36 tháng

Lãi suất cho vay: Theo từng thời kỳ

Mục đích: Đầu tư xây dựng dự án chung cư TBCO đối với nhà A1

Phương thức bảo đảm tiền vay: Những tài sản được hình thành từ vốn vay

Dư gốc vay tại 30/06/2017 là: 277.000.000 VND

(Trong đó nợ đến hạn trả năm 2017 là: 120.000.000 VND.)

**Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ngày 28/11/2014 Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - CN Thái Nguyên**

Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 VND

Thời hạn cho vay: 72 tháng

Lãi suất cho vay: Theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ

Mục đích: Cơ cấu tài chính cho công ty

Phương thức bảo đảm tiền vay: Nhà xưởng cầu lông của công ty, tài sản là quyền sử dụng đất của các cá nhân

Phùng Văn Bộ, Phùng Văn Thái,

Dư gốc vay tại 30/06/2017 là: 32.218.755.556 VND.

(Trong đó nợ đến hạn trả năm 2017 là: 2.473.000.000 VND)

**Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 240/16/HĐTD/TN ngày 14/10/2016 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Thái Nguyên**

Số tiền cho vay: 700.000.000 VND

Thời hạn cho vay: 60 tháng

Lãi suất cho vay: Theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ và tại thời điểm nhận nợ là 8,5%

Mục đích: Thanh toán chi phí liên quan đến việc đầu tư mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Foton Thaco Auman C160/C170-CS-1 có gắn cầu Unic Urv 343 mới 100%

Phương thức bảo đảm tiền vay: Tài sản được hình thành từ vốn vay (Xe ô tô nhãn hiệu Foton Thaco Auman

Dư gốc vay tại 30/06/2017 là: 629.800.000 VND.

(Trong đó nợ đến hạn trả năm 2017 là: 70.200.000 VND.).



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIỀN BỘ**

Địa chỉ: Tô 2 - Phường Hoàng Văn Thụ - TP Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND		Lợi nhuận chưa phân phối	Quý đầu tự phát triển	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn đầu tư của chủ sở hữu
	Cộng						
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>93.883.443.996</b>		<b>20.571.149.509</b>	<b>1.050.476.306</b>		<b>(1.238.181.819)</b>	<b>73.500.000.000</b>
- Tăng vốn năm trước	320.500.000.000					7.000.000.000	313.500.000.000
- Lãi trong năm trước	30.067.779.124		30.067.779.124				
- Trích lập các quỹ	(1.515.745.097)		(3.031.490.193)	757.872.548	757.872.548		
- Cổ tức phải trả	-		-	-	-	(1.762.023.636)	
- Giảm trong năm	(1.762.023.636)						
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>441.173.454.387</b>		<b>47.607.438.440</b>	<b>1.808.348.854</b>	<b>757.872.548</b>	<b>3.999.794.545</b>	<b>387.000.000.000</b>
- Tăng vốn trong năm							
- Lãi trong năm	14.542.113.448		14.542.113.448				
- Trích lập các quỹ	-		-				
- Tăng khác	-		-				
- Giảm trong năm	-		-				
- Cổ tức phải trả	-		-				
- Giảm khác	-		-				
<b>Số cuối năm</b>	<b>455.715.567.835</b>		<b>62.149.551.888</b>	<b>1.808.348.854</b>	<b>757.872.548</b>	<b>3.999.794.545</b>	<b>387.000.000.000</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của cá nhân	387.000.000.000	100%	387.000.000.000	100%
Ông Phùng Văn Bộ	43.147.000.000	11%	43.147.000.000	11,15%
Ông Phùng Văn Thái	41.922.900.000	10,83%	41.922.900.000	10,83%
Ông Thân Thanh Dũng	40.336.610.000	10,42%	40.336.610.000	10,42%
Các Cổ đông khác	261.593.490.000	67,60%	261.593.490.000	67,60%
<b>Cộng</b>	<b>387.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>387.000.000.000</b>	<b>100%</b>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2017	Năm trước
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	387.000.000.000	387.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	387.000.000.000	73.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		313.500.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	387.000.000.000	387.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.700.000	38.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.700.000	38.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	38.700.000	38.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.700.000	38.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	38.700.000	38.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng doanh thu	192.982.907.785	171.196.884.482
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ	142.211.544.151	109.388.229.930
- Doanh thu bất động sản	50.771.363.634	61.808.654.552
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.491.818.182	596.363.637
- Hàng bán bị trả lại	2.491.818.182	596.363.637
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>190.491.089.603</b>	<b>170.600.520.845</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ**

Địa chỉ: Tô 2 - Phường Hoàng Văn Thụ - TP Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

6 tháng đầu năm 2017      6 tháng đầu năm 2016

	VND	VND
- Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ	134.314.643.217	95.369.083.899
- Giá vốn về kinh doanh bất động sản	30.730.106.726	44.422.492.444
<b>Cộng</b>	<b>165.044.749.943</b>	<b>139.791.576.343</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm 2017      6 tháng đầu năm 2016

	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	490.088.959	111.755.070
<b>Cộng</b>	<b>490.088.959</b>	<b>111.755.070</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm 2017      6 tháng đầu năm 2016

	VND	VND
- Chi phí lãi vay	4.006.439.771	2.669.493.545
<b>Cộng</b>	<b>4.006.439.771</b>	<b>2.669.493.545</b>

**5. CHI PHÍ SXKD THEO YẾU TỐ CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ**

6 tháng đầu năm 2017      6 tháng đầu năm 2016

	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.152.530.477	44.601.932.127
- Chi phí nhân công	8.234.053.810	15.924.642.414
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	474.666.501	371.561.273
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	607.296.592	384.345.578
- Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	8.109.786
- Dự phòng/hoàn nhập DP phải thu khó đòi	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.370.495.308	5.397.883.296
- Chi phí khác bằng tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>54.844.042.688</b>	<b>66.688.474.474</b>

Trong đó bao gồm

**a. Chi phí sản xuất**

6 tháng đầu năm 2017      6 tháng đầu năm 2016

	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.152.530.477	44.601.932.127
- Chi phí nhân công	6.414.673.038	14.125.381.954
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.609.480	95.448.646
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	23.029.401	32.605.815
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.507.736.359	3.781.556.758
- Chi phí khác bằng tiền	83.539.331	-
<b>Cộng</b>	<b>51.296.118.086</b>	<b>62.636.925.300</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

b. Chi phí bán hàng	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
- Chi phí nhân công	232.955.796	270.213.460
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	123.062.451	76.758.955
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	298.170.720	78.421.181
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.910.182	201.023.203
- Chi phí khác bằng tiền	28.619.446	
<b>Cộng</b>	<b>729.718.595</b>	<b>626.416.799</b>

c. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
- Chi phí nhân công	1.586.424.976	1.529.047.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	236.994.570	199.353.672
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	286.096.471	273.318.582
- Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	8.109.786
- Dự phòng/ hoàn nhập DP phải thu khó đòi		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	815.848.767	1.415.303.335
- Chi phí khác bằng tiền	91.674.102	
<b>Cộng</b>	<b>3.022.038.886</b>	<b>3.425.132.375</b>

6. THU NHẬP KHÁC	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ		
- Thu tiền điện nước các hộ chung cư		
- Thu nhập khác		20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>20.000.000</b>

7. CHI PHÍ KHÁC	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
- Các khoản bị phạt vi phạm hành chính và thuế	471.646	2.155.261
- Các khoản chi phí khác		18.333
<b>Cộng</b>	<b>471.646</b>	<b>2.173.594</b>

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.635.646.273	4.843.927.704
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.635.646.273</b>	<b>4.843.927.704</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính



## Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	18.177.759.721	24.217.483.259
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	471.646	2.155.261
Các khoản điều chỉnh tăng	471.646	2.155.261
- Chi phí phạt thuế	471.646	2.155.261
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận chịu thuế	18.178.231.367	24.219.638.520
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.635.646.273	4.843.927.704
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:</b>	<b>3.635.646.273</b>	<b>4.843.927.704</b>

## 9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	14.542.113.448	19.373.555.555
Các khoản điều chỉnh :	-	1.515.745.096
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	1.515.745.096
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.542.113.448	17.857.810.459
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	16.651.768	16.651.768
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>873,31</b>	<b>1.072,43</b>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính, trình bày lại trên cơ sở hiệu số giữa lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ và Quỹ khen thưởng phúc lợi được phân bổ cho 6 tháng đầu năm 2017. Công ty chưa ước tính được Quỹ khen thưởng phúc lợi phân bổ cho 6 tháng đầu năm 2017, do vậy, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ này chưa bao gồm ảnh hưởng của Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phân bổ

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.355.467.225	-	31.740.300.186	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	159.650.490.164	-	125.082.266.772	-
Các khoản cho vay	4.100.000.000	-	5.700.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>182.105.957.389</b>	<b>-</b>	<b>172.522.566.958</b>	<b>-</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	89.714.641.556	84.215.776.258
Phải trả người bán, phải trả khác	57.910.933.304	13.555.906.525
Chi phí phải trả		
<b>Cộng</b>	<b>147.625.574.860</b>	<b>97.771.682.783</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)



	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.355.467.225			8.355.467.225
Phải thu khách hàng, phải thu khác	159.650.490.164	-		159.650.490.164
Các khoản cho vay	4.100.000.000			4.100.000.000
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000			10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>182.105.957.389</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>182.105.957.389</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.740.300.186			31.740.300.186
Phải thu khách hàng, phải thu khác	125.082.266.772	-		125.082.266.772
Các khoản cho vay	5.700.000.000			5.700.000.000
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000			10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>172.522.566.958</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>172.522.566.958</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở VND	Trên 1 năm đến VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	59.252.286.000	30.462.355.556		89.714.641.556
Phải trả người bán, phải trả khác	57.910.933.304			57.910.933.304
Chi phí phải trả	-			-
<b>Cộng</b>	<b>117.163.219.304</b>	<b>30.462.355.556</b>	<b>-</b>	<b>147.625.574.860</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	53.753.420.702	30.462.355.556		84.215.776.258
Phải trả người bán, phải trả khác	13.555.906.525			13.555.906.525
Chi phí phải trả	-			-
<b>Cộng</b>	<b>67.309.327.227</b>	<b>30.462.355.556</b>	<b>-</b>	<b>97.771.682.783</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

**3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	<i>Hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</i>	<i>Hoạt động kinh doanh bất động sản</i>	<i>Cộng</i>
Doanh thu thuần ra bên ngoài	142.211.544.151	48.279.545.452	190.491.089.603
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>142.211.544.151</b>	<b>48.279.545.452</b>	<b>190.491.089.603</b>
Chi phí bộ phận	134.314.643.217	30.730.106.726	165.044.749.943
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>7.896.900.934</b>	<b>17.549.438.726</b>	<b>25.446.339.660</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>	<b>3.751.757.481</b>		<b>3.751.757.481</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.145.143.453	17.549.438.726	21.694.582.179
Doanh thu hoạt động tài chính	490.088.959		490.088.959
Chi phí tài chính	4.006.439.771		4.006.439.771
Thu nhập khác	-		-
Chi phí khác	471.646		471.646
Thuế TNDN hiện hành	309.114.396	3.326.531.877	3.635.646.273
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>319.206.599</b>	<b>14.222.906.849</b>	<b>14.542.113.448</b>

**4. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

Doanh thu	Mối quan hệ	Nội dung	6 tháng đầu năm 2017
			VND
- Công ty CP đầu tư địa ốc Đất Vượng	Giám đốc - Người đại diện pháp luật là có quan hệ gia đình với Tổng Giám đốc TTB	Bán hàng	48.664.405.888
- Công ty CP đầu tư địa ốc Đất Vượng	Giám đốc - Người đại diện pháp luật là có quan hệ gia đình với Tổng Giám đốc TTB	Mua hàng	23.981.270.094
- DNTN Dương Phương Linh	Đơn vị cùng hợp tác kinh doanh với TTB	Bán hàng	29.075.332.522
- Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Tiên Dũng	Đơn vị cùng hợp tác kinh doanh với TTB	Bán hàng	3.655.338.530
- DNTN Sản xuất và thương mại Biên Cương	Đơn vị cùng hợp tác kinh doanh với TTB	Bán hàng	17.511.577.001
- DNTN Sản xuất và thương mại Biên Cương	Đơn vị cùng hợp tác kinh doanh với TTB	Mua hàng	62.225.000

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính



Doanh thu	Mối quan hệ	Nội dung	6 tháng đầu năm 2017 VND
- Công ty cổ phần thiết bị xây dựng 5S	Công ty liên kết	Mua hàng	17.190.366.375
- Công ty cổ phần thiết bị xây dựng Khang Linh	Công ty liên kết	Mua hàng	16.688.453.868

**Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trả trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2017 VND
Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	710.182.052
<b>Cộng</b>	<b>710.182.052</b>

**5. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

Chỉ tiêu	ĐVT	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	49,71	27,56
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	50,29	72,44
1.2 Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	25,28	29,35
- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	74,72	70,65
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Tổng Tài sản/Tổng nợ phải trả	Lần	3,96	3,41
2.2 Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	2,48	3,96
2.3 Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	0,15	0,05
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Lợi nhuận / doanh thu			
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	9,52	14,18
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần+TN hoạt động tài chính+Thu nhập khác	%	7,61	11,35
3.2 Lợi nhuận / Tổng Tài sản			
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	3,14	8,72
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,51	6,97
3.3 Lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	%	3,24	12,20

6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016; số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Kiểm toán ASC kiểm toán và soát xét. Số liệu được phân loại lại cho phù hợp với số liệu này.

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hà Hương

Kế toán trưởng



Trần Thanh Hà



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Thái



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TIẾN BỘ**

Địa chỉ: Tổ 2 - Phường Hoàng Văn Thụ - TP Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

**Phụ lục 01: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng (*)	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	120.000.000.000	-	120.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
Công ty cổ phần thiết bị xây dựng 5S	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty cổ phần thiết bị xây dựng Khang Linh	25.000.000.000	-	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư TTB Bắc Giang	75.000.000.000	-	75.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2017 như sau

Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ sở hữu cam kết	Tỷ lệ sở hữu thực tế tại 30/06/2017	Giá trị thực góp VND	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính
Công ty cổ phần thiết bị xây dựng 5S	Tổ 5, P. Quang Vinh, TP. Thái Nguyên	50.000.000.000	40,00%	40,00%	20.000.000.000	Bán buôn máy móc thiết bị, phụ tùng; gia công cơ khí; đồ dùng gia đình và vận tải hàng hóa bằng đường bộ
Công ty cổ phần thiết bị xây dựng Khang Linh	Tổ 5, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên	55.000.000.000	45,45%	45,45%	25.000.000.000	- Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn kim loại và quặng kim loại - Bán buôn đồ dùng khác của gia đình
Công ty cổ phần đầu tư TTB Bắc Giang	Lô N05/N04, Khu nhà ở thương mại Vĩnh Ninh, đường Đào Sứ Tích, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang	160.000.000.000	46,88%	46,88%	75.000.000.000	- Sản xuất các cấu kiện kim loại - Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác - Kinh doanh bất động sản - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
<b>Cộng</b>		<b>265.000.000.000</b>			<b>120.000.000.000</b>	